

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22KTA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03 / 07 / 2023Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922035	Trần Thị Phương	Đài	23/11/2004	Nữ	9,8	7,0	8,4	001	<u>Phu</u>	
2	111922036	Hồ Thị Hồng	Đạm	06/05/2003	Nữ	9,8	6,0	7,9	002	<u>Lan</u>	
3	111922038	Trương Thị Hồng	Diễm	06/12/2003	Nữ	9,5	5,6	7,6	003	<u>Dung</u>	
4	111922039	Lê Nguyễn Nhật	Diễn	03/01/2004	Nam	8,0	6,6	7,3	004	<u>Điễn</u>	
5	111922040	Đoàn Trần Hoàng	Dung	06/01/2004	Nữ	✓	✓	✓	✓	✓	<u>Fu</u>
6	111922041	Phùng Thị Thùy	Dương	18/04/2004	Nữ	9,3	4,8	7,1	006	<u>Th</u>	
7	111922042	Trần Khánh	Duy	22/06/2004	Nam	9,3	6,6	8,0	007	<u>Duy</u>	
8	111922043	Hà Mỹ	Duyên	07/10/2004	Nữ	9,3	5,8	7,6	008	<u>Duy</u>	
9	111922045	Thị Thị Kim	Duyên	09/04/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8	009	<u>Thị</u>	
10	111922046	Nguyễn Ngọc	Hân	21/09/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	010	<u>Cao</u>	
11	111922048	Lâm Ngọc	Hằng	19/07/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	011	<u>Hang</u>	
12	111922051	Nguyễn Trung	Hậu	11/11/2003	Nam	8,5	5,6	7,1	012	<u>Hau</u>	
13	111922052	Hà Thị Diệu	Hiền	19/10/2004	Nữ	9,3	6,4	7,9	013	<u>Hu</u>	
14	111922053	Huỳnh	Hoa	24/04/2003	Nữ	9,5	6,8	8,2	014	<u>Hu</u>	
15	111922055	Lê Nhật	Khoa	31/08/2004	Nam	8,0	5,6	6,8	015	<u>Phu</u>	
16	111922056	Nguyễn Trút Như	Khương	18/10/2004	Nữ	9,0	6,6	7,8	016	<u>Kh</u>	
17	111922059	Lưu Thị Yến	Loan	01/03/2004	Nữ	9,0	5,4	7,2	017	<u>Thi</u>	
18	111922060	Nguyễn Thị Trúc	Mai	08/11/2004	Nữ	9,5	6,2	7,9	018	<u>Thi</u>	
19	111922061	Phương Hoàng	Mai	20/10/2004	Nữ	9,3	6,0	7,7	019	<u>Phu</u>	
20	111922123	Phạm Đoàn Ngọc	Ánh	21/04/2003	Nữ	8,0	4,6	6,3	020	<u>Phu</u>	
21	111922124	Châu Ngọc	Bích	10/01/2004	Nữ	9,0	7,4	8,2	021	<u>Ch</u>	
22	111922125	Thạch Thị Thanh	Chi	17/09/2004	Nữ	9,0	6,4	7,7	022	<u>Thi</u>	
23	111922128	Phạm Huệ	Nữ	16/11/2004	Nữ	8,8	5,6	7,2	023	<u>Phu</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Phan Hữu TàiCán bộ kiểm tra: Phu

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22KTA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: T.N.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03/17/2023

Phòng thi: D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922002	Dur Hân	Hân	30/01/2004	Nữ	9,8	5.0	7,4	001	Hân	
2	111922003	Khuru Thị Ngọc	Huyền	27/09/2004	Nữ	9,5	6.2	7,9	002	Huyền	
3	111922004	Kim Thị Thúy	Huỳnh	26/03/2003	Nữ	9,3	5.2	7,3	003	Thúy	
4	111922009	Vương Vũ	Nguyễn	08/12/2004	Nam	9,3	5.0	7,2	004	Nguyễn	
5	111922010	Nguyễn Xuân	Nhi	28/05/2004	Nữ	9,5	7.2	8,4	005	Xuân	
6	111922012	Huỳnh Tấn	Nhật	14/09/2004	Nam	9,5	6.8	8,2	006	Tấn	
7	111922013	Trương Ngọc	Quý	24/02/2004	Nam	9,3	5.4	7,4	007	Quý	
8	111922014	Trần Văn	Quyền	27/02/2004	Nam	9,0	5.0	7,0	008	Văn	
9	111922015	Khuru Thị Ngọc	Thảo	27/09/2004	Nữ	9,5	6.8	8,2	009	Thảo	
10	111922016	Neáng	Thầy	18/05/2004	Nữ	9,5	6.4	8,0	010	Thầy	
11	111922017	Trần Thị Anh	Thư	13/09/2004	Nữ	9,5	5.0	7,3	011	Anh	
12	111922018	Trương Kim	Thư	29/10/2004	Nữ	9,5	6.8	8,2	012	Kim	
13	111922020	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	03/01/2004	Nữ	9,3	5.0	7,2	013	Trâm	
14	111922022	Võ Thị Mộng	Trinh	10/09/2004	Nữ	9,5	6.2	7,9	014	Mộng	
15	111922023	Trần Ngọc Mỹ	Xuyên	22/10/2004	Nữ	9,5	5.8	7,7	015	Mỹ	
16	111922024	Lê Bảo	An	03/02/2004	Nam	9,5	6.6	8,1	016	Bảo	
17	111922025	Nguyễn Bảo	An	21/06/2004	Nữ	9,0	4.4	6,7	017	Bảo	
18	111922029	Trần Kiều	Anh	09/04/2003	Nữ	8,0	—	—	—	—	vắng
19	111922030	Trần Thị Kiều	Anh	02/01/2004	Nữ	9,5	5.4	7,5	019	Kiều	
20	111922031	Thạch Thị Hồng	Ảnh	18/03/2004	Nữ	9,3	6.4	7,9	020	Hồng	
21	111922032	Lê Thị Ngọc	Cầm	03/06/2004	Nữ	9,5	4.8	7,2	021	Ngọc	
22	111922033	Trương Thị Ngọc	Cầm	27/02/2004	Nữ	9,5	5.4	7,5	022	Ngọc	
23	111922034	Thạch Ngọc Kim	Cúc	20/04/2003	Nữ	9,5	5.4	7,5	023	Kim	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22KTB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Thi viết

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03 / 07 / 2023Phòng thi: DH 107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922062	Trần Thị Huỳnh Mai	03/03/2003	Nữ	9,3	60	7,7	001	mai		
2	111922065	Sơn Thị Trúc Ngân	02/01/2004	Nữ	9,5	52	7,4	002	tk		
3	111922066	Thạch Thị Thanh Ngân	22/10/2004	Nữ	9,5	58	7,7	003	tk		
4	111922067	Nguyễn Lê Phương Nghi	11/07/2004	Nữ	9,5	58	7,7	004	tk		
5	111922069	Thái Hồng Ngọc	23/02/2004	Nữ	9,5	58	7,7	005	tk		
6	111922074	Trần Thị Ngọc Nhi	05/02/2004	Nữ	9,5	56	7,6	006	tk		
7	111922076	Cô Thị Huỳnh Như	30/01/2004	Nữ	9,5	44	7,0	007	tk		
8	111922077	Ngô Nguyễn Quỳnh Như	12/07/2004	Nữ	9,3	34	6,4	008	tk		
9	111922079	Nguyễn Thị Ngọc Như	17/09/2004	Nữ	9,3	54	7,4	009	Như		
10	111922080	Văn Thị Huỳnh Như	09/09/2004	Nữ	9,5	44	7,0	00	Như		
11	111922081	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	11/10/2002	Nữ	8,5	44	6,5	011	Nhung		
12	111922082	Thạch Thị Thanh Ni	17/09/2004	Nữ	9,5	48	7,2	012	tk		
13	111922083	Nguyễn Thị Kiều Nương	12/07/2004	Nữ	9,5	44	7,0	013	tk		
14	111922085	Thạch Thị Sà Phia	12/12/2004	Nữ	9,3	56	7,5	014	Phia		
15	111922087	Võ Trần Hoàng Quý	11/02/2004	Nam	9,5	48	7,2	015	Cao		
16	111922088	Trần Lê Quyên	09/06/2004	Nữ	9,8	66	8,2	016	Clin		
17	111922090	Trần Thị Trúc Quỳnh	17/11/2004	Nữ	9,5	58	7,7	017	tk		
18	111922091	Ngô Huỳnh Thành	24/09/2004	Nam	9,5	62	7,9	018	thành		
19	111922092	Tô Thị Thanh Thảo	11/10/2004	Nữ	9,5	54	7,5	019	Thảo		
20	111922093	Trần Trương Thanh Thiện	07/04/2004	Nam	9,5	56	7,6	020	tk		7,6
21	111922094	Bùi Đức Thịnh	23/08/2004	Nam	9,0	58	7,4	021	tk		
22	111922096	Hồng Thị Trúc Thư	09/03/2004	Nữ	9,5	50	7,3	022	tk		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22Tổng số tờ: 22Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LaCán bộ kiểm tra: tk

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22KTB

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: *Thực nghiệm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03 / 07 / 2023

Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922097	Võ Anh	Thư	02/05/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	001	<i>[Signature]</i>	
2	111922098	Lâm Ngọc	Thuận	06/04/2004	Nữ	9,3	5,2	7,3	002	<i>[Signature]</i>	
3	111922102	Huỳnh Lê Huy	Toàn	13/09/2004	Nam	9,5	4,2	6,9	003	<i>[Signature]</i>	
4	111922104	Trịnh Huệ	Trâm	30/04/2004	Nữ	9,3	3,6	6,5	004	<i>[Signature]</i>	
5	111922105	Lê Thị Huyền	Trân	13/12/2004	Nữ	9,5	7,0	8,3	005	<i>[Signature]</i>	
6	111922106	Trần Thị Quế	Trân	15/12/2003	Nữ	9,5	5,6	7,6	006	<i>[Signature]</i>	
7	111922107	Trương Thị Huyền	Trân	21/10/2004	Nữ	9,3	6,0	7,7	007	<i>[Signature]</i>	
8	111922108	Lý Lê Thùy	Trang	03/02/2004	Nữ	9,8	4,8	7,3	008	<i>[Signature]</i>	
9	111922109	Trần Tú	Trang	14/03/2004	Nữ	9,3	5,8	7,6	009	<i>[Signature]</i>	
10	111922110	Phạm Huỳnh Mai	Trinh	11/06/2004	Nữ	9,5	4,2	6,9	010	<i>[Signature]</i>	
11	111922112	Nguyễn Thanh	Trúc	31/10/2004	Nữ	9,5	5,0	7,3	011	<i>[Signature]</i>	
12	111922115	Nguyễn Thị Bích	Vi	19/08/2004	Nữ	9,5	5,4	7,5	012	<i>[Signature]</i>	
13	111922116	Sơn Chánh	Việt	12/09/2003	Nam	9,5	7,2	8,4	013	<i>[Signature]</i>	
14	111922118	Nguyễn Triệu Thúy	Vy	24/04/2004	Nữ	9,8	4,0	6,9	014	<i>[Signature]</i>	
15	111922120	Trần Thanh	Vy	06/09/2004	Nữ	9,5	5,6	7,6	015	<i>[Signature]</i>	
16	111922121	Nguyễn Mai	Xuân	16/12/2004	Nữ	9,5	6,0	7,8	016	<i>[Signature]</i>	
17	111922122	Hồ Thị Ngọc	Yến	13/04/2004	Nữ	9,5	6,2	7,9	017	<i>[Signature]</i>	
18	111922129	Hồ Thanh	Phong	29/09/2004	Nam	9,5	6,2	7,9	018	<i>[Signature]</i>	
19	111922130	Thạch Thị My	Ta	21/10/2004	Nữ	8,0	5,4	7,4	020	<i>[Signature]</i>	
20	111922132	Lâm Thị Lan	Tiên	19/12/2004	Nữ	9,3	5,4	7,4	020	<i>[Signature]</i>	
21	111922133	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	02/12/2004	Nữ	9,0	5,2	7,1	021	<i>[Signature]</i>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Anh Phi*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA19YKA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Thi viết

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03 / 07 / 2023

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116019382	Dos Peti	01/10/1988	Nam	9,0	24	5,7	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Thái

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22ANH

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....03...../07...../2023

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117122001	Nguyễn Quốc Bảo	09/09/2004	Nam	9,5	46	7,1	002	<u>Bao</u>		
2	117122002	Thạch Chane Đa Rô	06/03/2001	Nam	9,5	62	7,9	003	<u>Đa</u>		
3	117122003	Nguyễn Xuân Thành	19/06/2004	Nam	9,3	48	7,1	004	<u>Thành</u>		
4	117122004	Võ Điền Tân	16/10/1992	Nam	9,3	46	7,0	015	<u>Tân</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Ngọc Anh

Cán bộ kiểm tra: Trần Ngọc Anh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22QKDA

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
03/07/2023

Phòng thi: D71 104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112222115	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	30/10/2004	Nữ	9,0	40	6,5	005	<u>ny</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Phan Hữu Tài

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: luat

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22SNV

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03/07/2023Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	113722008	Đặng Xuân	Mai	20/08/2004	Nữ	9,3	76	8,5	006	<i>Mai</i>		
2	113722011	Trần Lê Thanh	Vy	11/07/2004	Nữ	9,5	64	8,0	007	<i>Trần Vy</i>		
3	113722012	Thạch Thị Thu	Hà	17/11/2004	Nữ	9,8	54	7,6	008	<i>Thạch Thu</i>		
4	113722013	Thạch Thị Thủy	Hoa	17/02/2004	Nữ	8,0	48	6,4	009	<i>Thạch Hoa</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04Tổng số tờ: 04Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22TTC

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
03/07/2023

Phòng thi: D71 104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110122162	Trần Nhật Thiên	18/03/2004	Nam	8,8	3,2	6,0	010	<u>Chữ</u>		
2	110122192	Nguyễn Dương Trí	15/11/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	011	<u>Chữ</u>		
3	110122233	Nguyễn Khắc Nguyên	05/04/2004	Nam	8,0						
4	110122239	Đặng Hoàng Phước	06/05/2003	Nam	8,8	4,8	6,8	017	<u>Phước</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22TTD

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
03 / 07 / 2023

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110122090	La Thuần Khang	28/06/2004	Nam	8,8	58	7,3	012	<u>Lu</u>		
2	110122099	Hoàng Tuấn Kiệt	03/10/2004	Nam	9,0	56	7,3	043	<u>Kiêu</u>		
3	110122105	Nguyễn Đỗ Thành Lộc	13/03/2004	Nam	8,8	58	7,3	014	<u>Thư</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Thiên

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Thư

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22VH

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03 / 7 / 2023

Phòng thi: D71.103.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112522001	Nguyễn Phan Tuệ	Mỹ	Nữ	9,0	48	6,9	001	<u>Tuệ</u>		
2	112522003	Thạch Ngọc	Sang	Nam	9,0	56	7,3	019	<u>Ngọc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Đinh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Đinh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Đinh Cao Dương Phương Lan

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22XD

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....03...../.....7...../.....2023.....

Phòng thi:.....D.7.1.10.3.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111722005	Trương Công Đạt	28/01/2004	Nam	9,0	5.0	7,0	002	<i>[Signature]</i>		
2	111722006	Thạch Linh Đô	12/09/2004	Nam	9,0	3.6	6,3	003	<i>[Signature]</i>		
3	111722015	Trần Thanh Khiết	05/07/2004	Nữ	9,3	4.6	7,0	004	<i>[Signature]</i>		
4	111722033	Trịnh Trần Trân	19/10/2004	Nam	9,0	5.6	7,3	005	<i>[Signature]</i>		
5	111722036	Võ Văn Minh Trung	22/09/2003	Nam	9,5	3.6	6,6	006	<i>[Signature]</i>		
6	111722039	Huỳnh Ngọc Như Ý	25/07/2004	Nữ	9,5	4.6	7,1	007	<i>[Signature]</i>		
7	111722041	Lý Trung Nghĩa	06/09/2004	Nam	9,8	5.2	7,5	008	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....07.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: ..07.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....07.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày14..... tháng7..... năm2023.....

Cán bộ coi thi 1:.....*[Signature]* Cao Dương Phương Lan.....Cán bộ ghi điểm:.....*[Signature]* Sơn Sơn La.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....*[Signature]*.....

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (58 -)/DA22XDGT

CBGD: Phan Hữu Tài (00339)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....03 /7 /2023

Phòng thi: 07.1.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116822001	Ngô Duy Bảo	26/10/2004	Nam	<u>9,3</u>	<u>3.8</u>	<u>6,6</u>	<u>009</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
2	116822002	Trần Gia Bảo	26/05/2004	Nam	<u>9,0</u>	<u>4.8</u>	<u>6,9</u>	<u>010</u>	<u>Bao</u>		
3	116822003	Nguyễn Thị Huệ	24/11/2004	Nữ	<u>9,3</u>	<u>4.8</u>	<u>7,1</u>	<u>011</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
4	116822004	Lý Thị Tuyết	23/06/2004	Nữ	<u>9,0</u>	<u>4.2</u>	<u>6,6</u>	<u>012</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
5	116822005	La Hoài Nhi	20/06/2004	Nam	<u>9,0</u>	<u>4.8</u>	<u>6,9</u>	<u>013</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
6	116822006	Dương Thành Sang	08/06/2003	Nam	<u>9,0</u>	<u>5.4</u>	<u>7,2</u>	<u>014</u>	<u>Sang</u>		
7	116822007	Nguyễn Nhật Tân	01/09/2004	Nam	<u>[Chữ ký]</u>	<u>[Chữ ký]</u>	<u>[Chữ ký]</u>	<u>[Chữ ký]</u>	<u>[Chữ ký]</u>		<u>Vắng</u>
8	116822008	Phạm Công Tăng	22/12/2004	Nam	<u>9,3</u>	<u>3.0</u>	<u>6,2</u>	<u>016</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
9	116822009	Võ Vinh Tính	31/03/2004	Nam	<u>9,0</u>	<u>5.0</u>	<u>7,0</u>	<u>017</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
10	116822010	Lý Vũ Trang	27/01/2004	Nam	<u>9,0</u>	<u>4.0</u>	<u>6,5</u>	<u>018</u>	<u>Trang</u>		
11	116822011	Nguyễn Hải Đăng	20/05/2002	Nam	<u>8,5</u>	<u>3.2</u>	<u>5,9</u>	<u>020</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký]

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký]

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]